

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 38. — Pháp lệnh này thay thế :

— Pháp lệnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát nhân dân nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ngày 16-7-1962 ;

— Pháp lệnh quy định chế độ cấp bậc của sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ngày 16-7-1962 ;

— Pháp lệnh quy định cơ quan phụ trách quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy và chế độ cấp bậc của sĩ quan, hạ sĩ quan phòng cháy và chữa cháy ngày 23-3-1963.

Điều 39. — Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

**LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 15-LCT/HĐNN8 ngày 11-2-1989
công bố Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp.**

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ :

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp, đã được Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 1 năm 1989.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

PHÁP LỆNH ngày 30-1-1989 sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp.

Căn cứ vào điều 83 và điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, ngày 28 tháng 12 năm 1982 ;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 4 về Dự toán ngân sách Nhà nước năm 1989;

Pháp lệnh này sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983.

Điều 1. — Bỏ đoạn « ..., thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, » trong đoạn đầu phần mở đầu của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983.

Điều 2. — Sửa đổi điều 6 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 như sau:

Điều 6 (mới). — Mức đất ở quy định giao cho mỗi hộ nông dân ở từng vùng tại điều 35 của Luật Đất đai không phải chịu thuế nông nghiệp. Nếu mức đất ở của mỗi hộ nông dân vượt quá mức quy định thì phần đất vượt mức phải chịu thuế nông nghiệp.

Điều 3. — Sửa đổi đoạn cuối điều 8 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 thành khoản 2 (mới) như sau:

Khoản 2 (mới) của điều 8.

- a) Đất trồng cây công nghiệp ngắn ngày chịu thuế suất 10% trên sản lượng hàng năm;
- b) Đất trồng cây dược liệu đặc biệt chịu thuế suất 20% trên sản lượng hàng năm;
- c) Đất trồng cây dược liệu khác chịu thuế như đất trồng cây hàng năm quy định tại khoản 1, điều 8 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983.

Điều 4. — Sửa đổi điều 9 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 như sau:

Điều 9 (mới). — Thuế nông nghiệp đối với đất vườn, đất trồng cây lâu năm tính theo tỷ lệ (%) trên sản lượng hoặc giá trị sản lượng hàng năm tùy theo loại cây trồng.

- 1. Cây công nghiệp lâu năm:
 - a) Cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao 14%
 - b) Cây công nghiệp lâu năm khác 12%
- 2. Cây ăn quả:
 - a) Cây ăn quả đặc sản có giá trị kinh tế cao 20%
 - b) Cây ăn quả khác 16%
- c) Vườn cây ăn quả do các cụ phụ lão trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp hoặc Ủy ban Nhân dân xã, phường quản lý 14%.
- 3. Cây lấy lá, lấy gỗ:
 - a) Cây lấy lá, lấy gỗ có giá trị kinh tế cao 15%
 - b) Cây lấy lá, lấy gỗ khác 10%
- 4. Cây lâu năm khác. 12%.

Sản lượng hoặc giá trị sản lượng hàng năm của từng loại cây do Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn xác định dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; sau khi được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương duyệt, thì được dùng làm căn cứ tính thuế.

Điều 5. — Sửa đổi điều 10 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 như sau :

Điều 10 (mới). — Đối với đất do hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hộ nông dân cá thể sử dụng, thuế tính theo quy định tại điều 7, điều 8 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 và điều 2, điều 3 của Pháp lệnh này.

Đối với phần đất, kể cả đất vườn, đất trồng cây lâu năm giao lại cho xã viên, tập đoàn viên để làm kinh tế gia đình và đất ở vượt mức quy định tại điều 35 của Luật Đất đai, thuế tính như đối với đất do hợp tác xã, tập đoàn sản xuất sử dụng.

Điều 6. — Sửa đổi điều 11 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 như sau :

Điều 11 (mới). — Đối với đất do nông trường, lâm trường và các trạm trại quốc doanh được giao sử dụng vào sản xuất nông nghiệp thì phải chịu thuế nông nghiệp và thuế tính theo quy định tại điều 7, điều 8 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 và điều 2, điều 3 của Pháp lệnh này.

Đối với phần đất giao lại cho cán bộ, công nhân, viên chức nông trường, lâm trường, trạm trại quốc doanh để làm kinh tế gia đình, thì thuế tính như đối với đất do các nông trường, lâm trường và trạm trại quốc doanh được giao sử dụng.

Điều 7. — Bỏ chế độ phụ thu đối với nông dân cá thể quy định tại điều 12 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983.

Điều 8. — Sửa đổi điều 13 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 như sau :

Điều 13 (mới). — Đối với đất do các tổ chức và cá nhân khác sử dụng để sản xuất nông nghiệp, thuế tính theo quy định tại điều 7, điều 8 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 và điều 2, điều 3 của Pháp lệnh này.

Điều 9. — Bỏ điều 15 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 và thay bằng điều 16 mới như sau :

Điều 16 (mới). — Đối với những hộ nông dân thuộc dân tộc thiểu số và những hộ nông dân nghèo ở vùng căn cứ kháng chiến cũ mà hiện nay đời sống có nhiều khó khăn, được Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận và Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét duyệt thì được giảm hoặc miễn thuế.

Điều 10. — Bỏ đoạn cuối «...», thì được miễn phụ thu. Sau khi miễn phụ thu mà đời sống vẫn còn khó khăn...» của điều 17 của Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983.

Điều 11. — Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÔ CHÍ CÔNG